**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM**

**Số: 25 /PTMN/2021**

1. **Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm:**

Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN & XUẤT KHẨU NƯỚC MẮM PHAN THIẾT – MŨI NÉ.

Địa chỉ: Lô 47-48 Khu chế biến Nước mắm, phường Phú Hài, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam.

Điện thoại: 02523. 813. 156 Fax: 02523. 710169

Email: info@nuocmamphanthietmuine.com

Mã số doanh nghiệp: 3401 108 327

Số Giấy chứng nhận hệ thống Phân tích mối nguy và Kiểm soát điểm tới hạn theo yêu cầu của HACCP Codex Alimentarius: 6065/QĐ-QUACERT.

Ngày cấp: 12/10/2021

Nơi cấp: TRUNG TÂM CHỨNG NHẬN PHÙ HỢP (QUACERT).

1. **Thông tin về sản phẩm**
2. **Tên sản phẩm**: **NƯỚC CHẤM CHAY TỊNH TÂM TRAI**
3. **Thành phần:**
* Thành phần chính (> 98%): Nước cốt thơm, muối tinh, nước cốt tương, đường nước.
* Thành phần khác: (<2%): Chất điều vị (INS 621, 627, 631), chất tạo ngọt (INS 955), chất bảo quản (INS 211), chất chống oxy hóa (INS 330), phẩm màu (INS 110, 150c), hương Fish Sauce Flavor SC 172139.
1. **Thời hạn sử dụng sản phẩm:**
* 12 tháng, kể từ ngày sản xuất.
* Ngày sản xuất (NSX), hạn sử dụng (HSD) được ghi trên nắp chai, nhãn hoặc trên chai vàđược ghi trên thùng giấy carton.
1. **Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:**
	1. Quy cách đóng gói:
* Các chai được đựng đóng trong thùng carton theo quy cách như sau:

06 chai x 60ml

48 chai x 60ml

09 chai x 180ml

04 chai x 250ml

24 chai x 250ml

04 chai x 310ml

18 chai x 310ml

02 chai x 500ml

12 chai x 500ml

24chai x 500ml

02 chai x 520ml

12 chai x 520ml

02 chai x 730ml

12 chai x 730ml

02 chai x750ml

15 chai x 750ml

02 chai x 900ml

15 chai x 900ml

12 chai x 1 lít

1. hai x 2 lít
2. chai x 5 lít
* Quy cách đóng gói chai nhựa:

01 can x 20 lít,

01 can x 30 lít

* 1. Chất liệu bao bì:

Bao bì chứa đựng trực tiếp nước chấm chay là:

- Các chai thuỷ tinh, thể tích: 60 ml, 180 ml, 250 ml, 310 ml, 500 ml, 520 ml, 730ml, 750 ml.

- Các chai nhựa PET, thể tích: 500 ml, 750ml, 900 ml, 1 lít, 2 lít, 5 lít

- Can nhựa, thể tích: 20 lít, 30 lít.

1. **Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm**:

Xuất xứ: CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN VÀ XUẤT KHẨU NƯỚC MẮM PHAN THIẾT – MŨI NÉ

Địa chỉ: Lô 47-48 KCB NƯỚC MẮM, PHƯỜNG PHÚ HÀI, THÀNH PHỐ PHAN THIẾT, TỈNH BÌNH THUẬN.

1. **Mẫu nhãn sản phẩm**
2. **Yêu cầu về an toàn thực phẩm:**

Công ty sản xuất thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

1. **Các chỉ tiêu cảm quan**: Theo TCVN 5107:2018

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **TÊN CHỈ TIÊU** | **YÊU CẦU** |
| 1 | Màu sắc | Nâu vàng |
| 2 | Độ trong | Trong, không vẫn đục. |
| 3 | Mùi | Mùi thơm đặc trưng. |
| 4 | Vị | Không mặn chát, không có vị lạ. |
| 5 | Tạp chất nhìn thấybằng mắt thường | Không có |

1. **Các chỉ tiêu chất lượng:** Theo tiêu chuẩn cơ sở

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **TÊN CHỈ TIÊU** | **ĐƠN VỊ** | **MỨC CÔNG BỐ** |
| 1 | Hàm lượng muối NaCl trong khoảng | g/l | 180-260 |

1. **Hàm lượng kim loại nặng:** Theo QCVN 8-2:2011/BYT

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **TÊN CHỈ TIÊU** | **ĐƠN VỊ** | **MỨC TỐI ĐA** |
| 1 | Hàm lượng chì | mg/L | ≤ 2.0 |
| 2 | Hàm lượng arsen vô cơ | mg/L | ≤ 1.0 |
| 3 | Hàm lượng cadimi | mg/L | ≤ 1.0 |
| 4 | Hàm lượng thuỷ ngân | mg/L | ≤ 0.05 |

1. **Các chỉ tiêu vi sinh:** Theo QĐ 46/2007/QĐ-BYT ngày 19/12/2007

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **TÊN CHỈ TIÊU** | **ĐƠN VỊ** | **MỨC TỐI ĐA** |
| 1 | Tổng số vi khuẩn hiếu khí | CFU/mL | ≤ 10 4 |
| 2 | Coliforms | CFU/mL | ≤ 10 2 |
| 3 | Clostridium perfringens | CFU/mL | ≤ 10 |
| 4 | Escherichia Coli | MPN/mL | 0 |
| 5 | Staphylococcus aureus | CFU/mL | ≤ 3 |
| 6 | Tổng số bào tử nấm men - mốc | CFU/mL | ≤ 10 |
| 7 | Salmonella | PH/25ml | 0 |

1. Dư lượng thuốc BVTV: Theo thông tư 50/2016/TT-BYT ban hành ngày 30/12/2016

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **TÊN CHỈ TIÊU** | **ĐƠN VỊ** | **MỨC****TỐI ĐA** |
| 1 | Carbendazim | mg/L | ≤ 5 |
| 2 | Clothianidin | mg/L | ≤ 0.01 |
| 3 | Diazinon | mg/L | ≤ 0.1 |
| 4 | Dimethormorph | mg/L | ≤ 0.01 |
| 5 | Disulfoton | mg/L | ≤ 0.1 |
| 6 | Ethephon | mg/L | ≤ 2 |
| 7 | Heptachlor | mg/L | ≤ 0.01 |
| 8 | Metalaxyl | mg/L | ≤ 0.1 |
| 9 | Methidation | mg/L | ≤ 0.05 |
| 10 | Propiconazole | mg/L | ≤ 0.02 |
| 11 | Thiamethoxam | mg/L | ≤ 0.01 |
| 12 | Triadimefon | mg/L | ≤ 5 |
| 13 | Triadimenol | mg/L | ≤ 5 |

 Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

 Tp Phan Thiết, ngày tháng 12 năm 2021

 **TỔNG GIÁM ĐỐC**

 **Lê Thị Mỹ**